

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30- 9 - 2020.
Về việc tranh chấp: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Minh Tàu;
2. Ông Nguyễn Xuân Chí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 30/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 253/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2020/QĐXX- ST ngày 11 tháng 9 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà D – sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên – *Có đơn xin vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Ông P – sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên – *Vắng mặt.*

- *Người làm chứng:* Chị T – sinh năm 1998;
Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên – *Có đơn xin vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông P kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Sự việc kéo dài và đã được gia đình khuyên can nhưng không đạt kết quả. Từ đầu năm 2019 đến nay, hai bên mạnh ai người đó sống, không ai còn quan tâm đến ai. Nay, bà D nhận thấy tình cảm đã hết, không thể nào chung sống hạnh phúc với ông P nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con tên là A – sinh ngày 20/12/2006, lâu nay do ông P nuôi dưỡng. Cháu A có nguyện vọng được sống cùng ông P nên bà D thống nhất giao cháu A cho ông P nuôi dưỡng, bà D cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đ/tháng (*Một triệu đồng/tháng*).

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

** Bị đơn ông P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa nên không tiến hành hòa giải được.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà D có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà D, ông P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 09/4/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà D khai trong quá trình chung sống, hai bên có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2019. Nhận thấy tình cảm đã hết, bà D xin được ly hôn. Ông P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có ý kiến gì phản bác lại yêu cầu xin ly hôn của bà D. Người làm chứng chị T khai ông P và bà D chung sống có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà D, ông P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[3] Về con chung: Xét thấy con chung tên A hiện đang sống cùng ông P, cháu A có nguyện vọng sống cùng ông P, bà D thống nhất giao con chung cho ông P nuôi dưỡng. Do đó, để cháu A phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, chấp nhận yêu cầu của bà D: Giao con chung A cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đ/tháng (*Một triệu đồng/tháng*). Xét sự tự nguyện của bà D phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Nợ chung: Bà D khai không có nợ chung nên không xét.

[6] Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 26, 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà D được ly hôn ông P.
2. Con chung: Giao con chung tên A – sinh ngày 20/12/2006 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D cấp dưỡng nuôi con số tiền: 1.000.000đ/tháng (*Một triệu đồng/tháng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2020 đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), án phí về cấp dưỡng nuôi con: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Tổng cộng: 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*). Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà D đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002054 ngày 25/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa. Như vậy, bà D phải tiếp tục nộp: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND, T.H.A DS huyện Tây Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã H(*Chứng nhận kết hôn số 31/2012 ngày 09 tháng 4 năm 2012*);
- Lưu HS.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Huệ